

BỘ NỘI VỤ
TRUNG TÂM LAO ĐỘNG
NGOÀI NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 39/TTLĐNN-TCLĐ
V/v thông báo kế hoạch đào tạo giáo dục
định hướng Chương trình EPS
Khóa K06-SN05/2025

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2025

Kính gửi: Sở Nội vụ

Triển khai kế hoạch phái cử người lao động sang Hàn Quốc làm việc theo Chương trình EPS, căn cứ kế hoạch tiếp nhận của HRD Hàn Quốc, Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng thông báo đến quý Sở kế hoạch tổ chức, danh sách người lao động tham gia giáo dục định hướng K06-SN05/2025 (*danh sách kèm theo*) và đề nghị quý Sở phối hợp thực hiện những nội dung sau:

1. Thông báo người lao động thực hiện nghĩa vụ tài chính:

- Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động nộp chi phí phái cử bằng khoản tiền Việt Nam tương đương với 630 USD và chi phí hành chính xin cấp visa 390.000 đồng để xác nhận nguyện vọng thực hiện hợp đồng lao động đã ký với doanh nghiệp Hàn Quốc.

- Chuẩn bị khoản tiền 100 triệu đồng để ký quỹ sau khi kết thúc khóa giáo dục định hướng.

- Các khoản tiền sau đây để nộp **khi đến tập trung** tham dự khóa giáo dục định hướng:

+ Học phí bổ túc tiếng Hàn: 920.000 đồng;

+ Tiền khám sức khỏe: 485.000 đồng đối với nam và 515.000 đồng đối với nữ để nộp cho bệnh viện (bao gồm: chi phí khám sức khỏe 365.000 đồng đối với nam, 395.000 đồng đối với nữ; chi phí xét nghiệm lao phổi để xin visa: 70.000 đồng/người; khám tổng quát sàng lọc lao phổi: 50.000 đồng/người);

+ Chi phí tiền ký túc xá, tiền ăn nộp trực tiếp cho đơn vị cung cấp dịch vụ.

2. Thông báo kế hoạch giáo dục định hướng

Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về kế hoạch giáo dục định hướng như sau:

2.1. Địa điểm, thời gian tập trung và tổ chức đào tạo

- Thời gian đào tạo: từ ngày 25/03 đến ngày 10/04/2025;

- Thời gian làm thủ tục nhập học: 15h00 Thứ 2 ngày 24/03/2025;

- Địa điểm đào tạo: Cơ sở đào tạo của Trung tâm Lao động ngoài nước (nằm trong khuôn viên Trung tâm dạy nghề và đào tạo lao động Sona, địa chỉ: thôn Do Hạ, xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội).

2.2. Người lao động cần chuẩn bị:

- Hồ sơ xin cấp visa

+ In, điền đầy đủ thông tin và mang theo các giấy tờ xin visa (theo mẫu tại website www.colab.gov.vn mục tải biểu mẫu), **Phiếu lý lịch tư pháp số 2** (01 bản gốc có chữ ký của cán bộ Tư pháp, không sử dụng bản có chữ ký điện tử) và hộ chiếu còn hiệu lực trên 1 năm để nộp cho Trung tâm Lao động ngoài nước làm thủ tục xin cấp visa. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp được cấp sau ngày tập trung, người lao động vẫn đến tập trung theo kế hoạch và chuyển phát phiếu lý lịch tư pháp đến địa điểm nơi người lao động tham dự khóa đào tạo, **muộn nhất vào ngày kết thúc khóa học, người lao động phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Trung tâm lao động ngoài nước.**

Lưu ý: Bộ hồ sơ xin cấp visa bao gồm (1) Tờ khai xin cấp visa, (2) Giấy xác nhận tình trạng sức khỏe, (3) 01 bản phô tô 2 mặt của CMND/CCCD (4) bản phô tô trang 2,3 của hộ chiếu, (5) Phiếu lý lịch tư pháp, (6) Hộ chiếu. Người lao động phải đọc kỹ hướng dẫn, điền đầy đủ, chính xác thông tin và sắp xếp hồ sơ theo thứ tự nêu trên. Việc nộp thiếu giấy tờ, kê khai thông tin không chính xác sẽ dẫn đến tiến độ xuất cảnh của người lao động bị chậm hoặc không thể xuất cảnh sang Hàn Quốc làm việc.

- Chuẩn bị **04 ảnh chân dung** có quy cách như sau: phong màu trắng, mặc **áo khác màu với màu phong, không qua chỉnh sửa**, kích thước 3.5cm x 4.5cm;

- Chuẩn bị 01 bản phô tô 02 mặt của CMND/CCCD;

- Chuẩn bị trang phục để lên lớp hàng ngày: quần âu, áo sơ mi trắng, giày hoặc dép quai hậu.

3. Một số công việc khác

Đối với những lao động thuộc danh sách này đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, đề nghị quý Sở giữ lại số tiền Việt Nam đồng tương đương với 30USD để trang trải các chi phí hành chính; chuyển số tiền còn lại tương đương 600USD (theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm chuyển tiền) và khoản chi phí hành chính xin cấp visa về Trung tâm Lao động ngoài nước chậm nhất ngày **24/03/2025** theo tài khoản sau:

+ Tên tài khoản: Trung tâm Lao động ngoài nước

+ Địa chỉ: Số 1 Trịnh Hoài Đức, Đống Đa, Hà Nội

+ Số tài khoản: 1440201030194

+ Tại: Chi nhánh Bắc Hà Nội-NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam *(Khi chuyển tiền, đề nghị quý Sở ghi rõ tên địa phương, số tiền và nội dung chuyển tiền).*

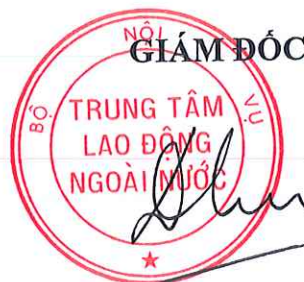
- Đề nghị quý Sở thông báo bằng văn bản cho Trung tâm lao động ngoài nước: danh sách người lao động hoàn thành nghĩa vụ tài chính và tham gia khóa học; danh sách những người lao động không đến làm thủ tục và không còn nguyện vọng đi làm việc tại Hàn Quốc; danh sách kèm theo Đơn của người lao động xin tiếp tục tham gia giáo dục định hướng (mẫu kèm theo); danh sách người lao động thuộc đối tượng vay vốn ký quỹ để Trung tâm tổng hợp, triển khai các thủ tục tiếp theo.

Lưu ý: Người lao động không tham gia giáo dục định hướng theo kế hoạch được thông báo hoặc nộp **Phiếu lý lịch tư pháp miễn** dẫn đến nộp hồ sơ xin cấp visa chậm có thể bị doanh nghiệp Hàn Quốc hủy hợp đồng lao động và bị dừng tham gia Chương trình EPS trong thời gian 01 năm.

Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý
Sở./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo TT;
- P.TCKT, P.ĐT (để t/h);
- P.QLHTLĐ (để nhắn tin);
- Lưu: VT, TCLĐ.



Đặng Huy Hồng

DANH SÁCH LAO ĐỘNG MỚI
THAM GIA GIÁO DỤC ĐỊNH HƯỚNG KHÓA K06-SN05/2025

(Kèm theo Công văn số 39/TTLĐNN-TCLĐ ngày 18/03/2025 của Trung tâm Lao động ngoài nước)

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
1	51120373	Đặng Văn Bình	14/08/2003	Nam	Bắc Giang	K06SN05-01
2	50307160	Phan Văn Tú	22/07/1995	Nam	Bắc Giang	K06SN05-02
3	50308673	Phạm Văn Thái	08/09/2004	Nam	Bắc Ninh	K06SN05-03
4	50303939	Nguyễn Xuân Thủy	01/01/2001	Nam	Hà Nam	K06SN05-04
5	50313307	Nguyễn Văn Dương	29/04/2001	Nam	Hà Nam	K06SN05-05
6	51030222	Phùng Văn Dũng	16/03/1996	Nam	Hà Nội	K06SN05-06
7	51030049	Phạm Tuấn Anh	15/02/1994	Nam	Hà Nội	K06SN05-07
8	51030120	Hoàng Tiến Duy	26/10/1999	Nam	Hà Nội	K06SN05-08
9	50329484	Trịnh Văn Vũ	04/08/1997	Nam	Hà Tĩnh	K06SN05-09
10	50333616	Nguyễn Thị Linh	30/05/2001	Nữ	Hà Tĩnh	K06SN05-10
11	50302967	Nguyễn Xuân Trường	25/10/1989	Nam	Hải Dương	K06SN05-11
12	50302146	Nguyễn Duy Nhật	13/03/1998	Nam	Hải Dương	K06SN05-12
13	50502093	Nguyễn Thị Thủy	22/06/1994	Nữ	Hải Dương	K06SN05-13
14	51030744	Phạm Văn Việt	11/11/1995	Nam	Hải Dương	K06SN05-14
15	50302074	Trần Thị Thủy Dương	17/03/2003	Nữ	Hải Dương	K06SN05-15
16	50302267	Vương Văn Tiến	12/12/2005	Nam	Hải Dương	K06SN05-16
17	50302310	Đoàn Tiên Phong	25/12/1995	Nam	Hải Dương	K06SN05-17
18	50302742	Vũ Trung Hiếu	21/05/2002	Nam	Hải Dương	K06SN05-18
19	50302764	Vũ Quý Phương	15/08/2005	Nam	Hải Dương	K06SN05-19
20	50302812	Đặng Quốc Hưng	16/01/2005	Nam	Hải Dương	K06SN05-20
21	51030519	Vũ Đình Sơn	17/02/1993	Nam	Hải Phòng	K06SN05-21
22	50301597	Lưu Văn Đức	24/08/1999	Nam	Hải Phòng	K06SN05-22
23	50301598	Nguyễn Hữu Thái Dương	21/07/1998	Nam	Hải Phòng	K06SN05-23
24	50301635	Hoàng Công Hữu	11/03/2001	Nam	Hải Phòng	K06SN05-24
25	50301700	Phạm Văn Bảo	02/08/1994	Nam	Hải Phòng	K06SN05-25
26	50301703	Đoàn Văn Lượng	27/04/2002	Nam	Hải Phòng	K06SN05-26
27	50301735	Nguyễn Thành Luân	26/11/2002	Nam	Hải Phòng	K06SN05-27
28	50301850	Nguyễn Hữu Dụng	01/08/1996	Nam	Hải Phòng	K06SN05-28
29	50301857	Lương Văn Đạt	10/10/1999	Nam	Hải Phòng	K06SN05-29
30	50301944	Nguyễn Thế Thanh	02/08/1999	Nam	Hải Phòng	K06SN05-30
31	50301988	Mai Thạch Hùng	04/07/2003	Nam	Hải Phòng	K06SN05-31
32	50313868	Ngô Việt Trung	28/10/2002	Nam	Hải Phòng	K06SN05-32
33	50309799	Nguyễn Trọng Thiện	16/07/1994	Nam	Hoà Bình	K06SN05-33
34	50303302	Nguyễn Văn Tiến	17/07/1992	Nam	Hưng Yên	K06SN05-34
35	50303211	Đào Công Tiến	20/04/1987	Nam	Hưng Yên	K06SN05-35
36	50303227	Vũ Văn Duy	15/03/2002	Nam	Hưng Yên	K06SN05-36
37	50303228	Lưu Thanh Tuyên	20/09/1990	Nam	Hưng Yên	K06SN05-37
38	50303283	Nguyễn Thị Trung Anh	18/07/1993	Nữ	Hưng Yên	K06SN05-38
39	50303365	Đặng Ngọc Thành	26/07/2001	Nam	Hưng Yên	K06SN05-39
40	50304570	Lâm Trọng Kiên	20/12/2005	Nam	Lạng Sơn	K06SN05-40
41	50304602	Lương Văn Nam	21/02/1998	Nam	Lạng Sơn	K06SN05-41
42	50304640	Vì Thị Trang	17/02/2000	Nữ	Lạng Sơn	K06SN05-42
43	50310310	Vũ Thị Giang	04/03/2003	Nữ	Nam Định	K06SN05-43
44	50310743	Nguyễn Thị Ngân	08/04/2004	Nữ	Nam Định	K06SN05-44
45	51033008	Nguyễn Văn Nhật	01/10/1997	Nam	Nam Định	K06SN05-45



Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
46	50310157	Vũ Thị Ánh	03/10/1998	Nữ	Nam Định	K06SN05-46
47	50310413	Nguyễn Thị Thanh Thủy	10/02/2005	Nữ	Nam Định	K06SN05-47
48	50310505	Tiêu Thị Thùy Linh	16/10/2004	Nữ	Nam Định	K06SN05-48
49	50310661	Trần Tiến Thành	28/04/2001	Nam	Nam Định	K06SN05-49
50	50310893	Bùi Quốc Hải	17/01/2002	Nam	Nam Định	K06SN05-50
51	50341022	Nguyễn Thị Hào	14/10/1992	Nữ	Nam Định	K06SN05-51
52	50341128	Phạm Thị Lợi	15/07/1999	Nữ	Nam Định	K06SN05-52
53	50312553	Trần Trung Thực	22/10/1989	Nam	Ninh Bình	K06SN05-53
54	51033515	Phạm Quốc Khánh	23/08/1992	Nam	Ninh Bình	K06SN05-54
55	50312454	Phạm Văn Huân	26/05/1997	Nam	Ninh Bình	K06SN05-55
56	50351013	Nguyễn Trung Tuấn	22/11/2001	Nam	Ninh Bình	K06SN05-56
57	50354025	Nguyễn Văn Thảo	06/06/1990	Nam	Nghệ An	K06SN05-57
58	51130620	Hồ Thanh Tùng	07/12/2003	Nam	Nghệ An	K06SN05-58
59	51106777	Vũ Thị Trang	01/01/2002	Nữ	Nghệ An	K06SN05-59
60	51107918	Nguyễn Thị Hồng	09/09/2000	Nữ	Nghệ An	K06SN05-60
61	50322699	Trần Văn Việt	08/03/1995	Nam	Nghệ An	K06SN05-61
62	50326117	Cần Quang Khánh	15/05/1995	Nam	Nghệ An	K06SN05-62
63	50305757	Nguyễn Anh Tài	04/10/2004	Nam	Phú Thọ	K06SN05-63
64	50305808	Nguyễn Đức Mạnh	17/04/1998	Nam	Phú Thọ	K06SN05-64
65	50305830	Trần Công Sự	06/11/1993	Nam	Phú Thọ	K06SN05-65
66	50305853	Đinh Công Quốc	18/09/2002	Nam	Phú Thọ	K06SN05-66
67	50330410	Võ Doãn Duẩn	12/04/2005	Nam	Quảng Bình	K06SN05-67
68	50330417	Nguyễn Khánh Nguyên	28/10/2005	Nam	Quảng Bình	K06SN05-68
69	50330421	Nguyễn Văn Chương	25/05/1994	Nam	Quảng Bình	K06SN05-69
70	50330441	Hoàng Minh Nhật	16/04/1994	Nam	Quảng Bình	K06SN05-70
71	50330473	Phan Đình Linh Đan	27/07/1997	Nam	Quảng Bình	K06SN05-71
72	50330493	Lê Trung Thành	01/08/1996	Nam	Quảng Bình	K06SN05-72
73	50330555	Nguyễn Đức Mạnh	24/07/2001	Nam	Quảng Bình	K06SN05-73
74	50330568	Nguyễn Văn Hoàng Anh	16/02/2002	Nam	Quảng Bình	K06SN05-74
75	50356344	Mai Thanh Cẩm	16/06/2000	Nam	Quảng Bình	K06SN05-75
76	50305024	Đặng Thị Yến	18/06/1998	Nữ	Tuyên Quang	K06SN05-76
77	50305007	Hoàng Văn Quang	25/05/2004	Nam	Tuyên Quang	K06SN05-77
78	50305037	Trần Quang Huy	11/08/2000	Nam	Tuyên Quang	K06SN05-78
79	50305077	Nguyễn Tuấn Anh	06/10/1999	Nam	Tuyên Quang	K06SN05-79
80	50311326	Nguyễn An	26/05/1991	Nam	Thái Bình	K06SN05-80
81	50311019	Trịnh Đăng Quyết	04/09/1986	Nam	Thái Bình	K06SN05-81
82	50311055	Vũ Văn Quân	09/08/1993	Nam	Thái Bình	K06SN05-82
83	50311141	Phạm Trung Kiên	18/04/1991	Nam	Thái Bình	K06SN05-83
84	50311162	Nguyễn Thế Nhất	28/12/1991	Nam	Thái Bình	K06SN05-84
85	50311185	Trần Đình Độ	29/08/1991	Nam	Thái Bình	K06SN05-85
86	50311210	Trương Văn Thường	04/09/2000	Nam	Thái Bình	K06SN05-86
87	50311335	Lê Đức Tâm	16/01/2000	Nam	Thái Bình	K06SN05-87
88	50311348	Nguyễn Văn Ninh	06/01/1995	Nam	Thái Bình	K06SN05-88
89	50311379	Lê Hữu Tuệ	27/02/1995	Nam	Thái Bình	K06SN05-89
90	50311382	Nguyễn Tuấn Minh	30/11/2000	Nam	Thái Bình	K06SN05-90
91	50311494	Vũ Công Thái	23/04/2004	Nam	Thái Bình	K06SN05-91
92	50311693	Nguyễn Văn Thuấn	08/02/1994	Nam	Thái Bình	K06SN05-92
93	50305624	Đỗ Thị Quỳnh Anh	20/09/2005	Nữ	Thái Nguyên	K06SN05-93

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
94	50305440	Trần Minh Chính	10/01/2000	Nam	Thái Nguyên	K06SN05-94
95	50305457	Nguyễn Văn Khánh	21/01/2004	Nam	Thái Nguyên	K06SN05-95
96	50305474	Hoàng Văn Chính	06/01/1997	Nam	Thái Nguyên	K06SN05-96
97	50305509	Lương Tuấn Anh	23/04/1994	Nam	Thái Nguyên	K06SN05-97
98	50305716	Đỗ Trung Kiên	13/07/2002	Nam	Thái Nguyên	K06SN05-98
99	50351974	Đỗ Anh Quân	21/08/2005	Nam	Thanh Hóa	K06SN05-99
100	50352598	Đỗ Xuân Tú	24/10/1991	Nam	Thanh Hóa	K06SN05-100
101	50373633	Trịnh Thị Linh Chi	10/06/2002	Nữ	Thanh Hóa	K06SN05-101
102	51120789	Lê Thọ Hiếu	21/03/2000	Nam	Thanh Hóa	K06SN05-102
103	51120931	Ngân Quốc Bảo	22/12/2003	Nam	Thanh Hóa	K06SN05-103
104	50510144	Vi Thị Lua	13/07/1994	Nữ	Thanh Hóa	K06SN05-104
105	51034153	Lê Văn Lanh	21/08/2001	Nam	Thanh Hóa	K06SN05-105
106	51034212	Lê Văn Cường	24/12/1998	Nam	Thanh Hóa	K06SN05-106
107	51034582	Dương Văn Sơn	24/07/2000	Nam	Thanh Hóa	K06SN05-107
108	51034846	Đỗ Xuân Sự	06/09/1994	Nam	Thanh Hóa	K06SN05-108
109	51036380	Trần Văn Khả	28/12/1997	Nam	Thanh Hóa	K06SN05-109
110	50315119	Mai Văn Vũ	21/04/1998	Nam	Thanh Hóa	K06SN05-110
111	50316901	Hoàng Văn Hậu	29/01/1995	Nam	Thanh Hóa	K06SN05-111
112	50318184	Lê Duy Mạnh	24/09/1999	Nam	Thanh Hóa	K06SN05-112
113	50318696	Lê Văn Quân	29/01/1995	Nam	Thanh Hóa	K06SN05-113
114	50319673	Lê Trọng Trường	27/06/1997	Nam	Thanh Hóa	K06SN05-114
115	50319691	Ngô Văn Đồng	21/07/1997	Nam	Thanh Hóa	K06SN05-115
116	50352794	Nguyễn Văn Hòa	20/05/1989	Nam	Thanh Hóa	K06SN05-116
117	50306701	Nguyễn Văn Hùng	26/06/2005	Nam	Vĩnh Phúc	K06SN05-117
118	50306753	Dương Văn Thanh	26/01/2005	Nam	Vĩnh Phúc	K06SN05-118
119	50306870	Nguyễn Tiên Hậu	14/02/2005	Nam	Vĩnh Phúc	K06SN05-119
120	50305219	Hoàng Hương Khánh	08/10/2002	Nữ	Yên Bái	K06SN05-120
121	50305222	Hà Thị Xinh	23/07/2003	Nữ	Yên Bái	K06SN05-121
122	50305273	Lê Đức Thành	12/11/2003	Nam	Yên Bái	K06SN05-122
123	50305324	Lương Thị Mai	26/03/2001	Nữ	Yên Bái	K06SN05-123
124	50338148	Võ Hoàng Phi	26/12/2000	Nam	An Giang	K06SN05-124
125	50338694	Đoàn Thị Kim Thoa	01/01/2003	Nữ	Bến Tre	K06SN05-125
126	50333248	Phạm Thị Cúc Hương	03/06/2000	Nữ	Bình Định	K06SN05-126
127	50339833	Phan Thảo Ngọc	07/02/2005	Nữ	Cà Mau	K06SN05-127
128	50334553	Lê Đại Phát	26/02/2005	Nam	Đắk Lắk	K06SN05-128
129	50335949	Hứa Ngọc Bảo	25/12/2005	Nam	Đắk Lắk	K06SN05-129
130	50335988	Nguyễn Văn Thành	07/10/1986	Nam	Đắk Lắk	K06SN05-130
131	50335992	Trần Quốc Hải	04/09/2005	Nam	Đắk Lắk	K06SN05-131
132	50336160	Nguyễn Văn Hải	30/03/2003	Nam	Đắk Lắk	K06SN05-132
133	50337546	Hoàng Đình Tâm	10/07/1999	Nam	Đồng Nai	K06SN05-133
134	50337975	Võ Châu Yến Ngân	11/12/1998	Nữ	Đồng Tháp	K06SN05-134
135	50525134	Nguyễn Thị Thùy Dương	27/09/2001	Nữ	Hậu Giang	K06SN05-135
136	50332803	Đào Thị Thu Trang	01/02/2005	Nữ	Quảng Nam	K06SN05-136
137	50332901	Hồ Phát Đạt	28/11/1998	Nam	Quảng Ngãi	K06SN05-137
138	50335529	Nguyễn Thị Kim Hạnh	02/12/2004	Nữ	Tây Ninh	K06SN05-138
139	50338223	Tổng Thùy Trang	09/03/2005	Nữ	Tiền Giang	K06SN05-139
140	50332251	Hoàng Văn Mạnh	21/06/1995	Nam	Thừa Thiên Huế	K06SN05-140
141	50332261	Quách Đạo Thành Nhân	26/11/2000	Nam	Thừa Thiên Huế	K06SN05-141

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
142	50338373	Nguyễn Phạm Thi	08/10/1991	Nam	Vĩnh Long	K06SN05-142
143	50338357	Nguyễn Hoàng Phong	12/11/1991	Nam	Vĩnh Long	K06SN05-143
144	50338341	Phạm Hoài Văn	20/10/1999	Nam	Vĩnh Long	K06SN05-144
145	50338385	Trần Quốc Hoàng	07/10/2002	Nam	Vĩnh Long	K06SN05-145